

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2024/HS-ST
Ngày 28/5/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Mai Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Bình - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn H, (tên gọi khác: không) sinh ngày 02/9/1998; Giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm O, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Bình, sinh năm 1977 và bà Bùi Thị O, sinh năm 1980; vợ, con: không có; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 22/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hòa Bình được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị hại chị Bùi Thị L, sinh năm 1987; trú tại: xóm Tr, xã Q, THÀNH PHỐ H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bùi Văn S, sinh năm 1997; trú tại: xóm O, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình (có mặt);

+ Chị Hà Thị Th, sinh năm 2003; trú tại: xóm O, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình (có mặt);

+ Bà Bùi Thị O, sinh năm 1980; trú tại: xóm O, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình (có mặt);

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Bối, xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội (vắng mặt không có lý do)

+ Anh Bùi Văn S, sinh năm 1997; trú tại: xóm O, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình (đồng thời là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng 11/12/2023, Bùi Văn H sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 28E1-16985 chở Bùi Văn S đi từ Hà Nội về nhà ở xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Trên đường đi, S nhắn tin cho vợ là chị Hà Thị Th đang ở nhà chuyển vào tài khoản của H số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng để cho H đổ xăng xe. Khi đến cây xăng Trung Mừng, Thộc xóm Tr, xã Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình thì H rẽ vào để đổ xăng. Tại đây, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng hình thức chuyển tiền qua ứng dụng của ngân hàng trên điện thoại với số tiền nhỏ hơn thực tế để nhận số tiền lớn hơn. Thấy đông khách, H đoán nhân viên bán xăng sẽ không xem chi tiết cụ thể số tiền là bao nhiêu mà chỉ cần thấy báo có tin nhắn chuyển tiền. Do đó, sau khi dừng xe H bảo chị Bùi Thị L là nhân viên bán xăng bán cho H 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng tiền xăng bơm vào bình xe mô tô. H trả tiền mặt cho chị Lan rồi nói với chị Lan: chị có tiền mặt không để em chuyển khoản cho chị em lấy tiền mặt. Chị Lan đồng ý thì H nói là chuyển 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng. H chuyển trên điện thoại qua số tài khoản chung với số điện thoại 0976835593 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với số tiền 3.600 (ba nghìn sáu trăm) đồng. Khi báo giao dịch chuyển tiền thành công H giơ nhanh hình ảnh cho chị Lan xem rồi cắt điện thoại. Chị Lan đếm số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng đưa cho H, có giữ lại lệ phí chuyển khoản 10.000 đồng. TH cầm tiền cất vào túi áo rồi điều khiển xe chở S đi về hướng thành phố H. Khi về đến nhà, H nói với S là nhân viên cây xăng đưa thừa tiền nên đưa cho S số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng, số tiền còn lại H sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến ngày 22/12/2023, H lên công an thành phố H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vật chứng của vụ án, quá trình điều tra đã Th giữ:

- 01 xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 28E1-16985 (kèm theo giấy tờ xe) là của bà Bùi Thị O là mẹ của bị cáo H. Bà O là chủ sở hữu. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, ngày 31/01/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp, hiện tại bà O đang quản lý sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, màu vàng - hồng. Số IMEI 356715086163337, số IMEI 35671508616333, tình trạng đã qua sử dụng, được chuyển theo vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: ngày 23/12/2023, bà Bùi Thị O là mẹ của bị cáo H đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại là chị Bùi Thị L số tiền 3.600.000 (*ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng, chị Lan đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì thêm. Ngày 07/02/2024, tại cơ quan điều tra S đã tự nguyện nộp lại số tiền 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng và bà O đã nhận lại số tiền này.

Cáo trạng số 57/CT-VKSTP ngày 15/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình truy tố Bùi Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 38 BLHS xử phạt: Bùi Văn H mức án từ 06 (*sáu*) đến 09 (*chín*) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch Th, phát mại, sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, màu vàng - hồng. Số IMEI 356715086163337, số IMEI 35671508616333, tình trạng đã qua sử dụng, được chuyển theo vụ án.

Ý kiến của bị cáo: Tại giai đoạn điều tra bị cáo khai Bùi Văn S ngày 09/12/2023 đã hướng dẫn và cho Hảo xem youtube về cách lừa đảo tiền thông qua việc đổi tiền từ ứng dụng điện thoại tại cây xăng, là người đã bàn bạc với Hảo, xúi giục Hảo để lừa đảo rút tiền. Tuy nhiên, tại phiên Tòa Hảo thay đổi lời khai S không tham gia vào việc phạm tội của bị cáo, chỉ có một mình Hảo tự nghĩ ra và thực hiện hành vi lừa đảo. Việc chia tiền cho S là do cùng đi về nên tự nguyện chia tiền mà không cho S biết về hành vi phạm tội của mình.

Ý kiến của người làm chứng đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình xét hỏi, người làm chứng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn S có ý kiến xác nhận do lòng tham nên đã nhận số tiền 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng do Hảo chiếm đoạt được nhưng đã nói với S do người bán xăng chuyển khoản thừa, S không được tham gia bàn bạc, không tham gia vào thực hiện hành vi lừa đảo cùng Hảo, không được nghe nhìn thấy Hảo lừa đảo do khi Hảo chuyển tiền đứng khoảng cách xa không để ý đến Hảo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt xác nhận về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Bùi Văn Hảo, xác nhận người đàn ông đi cùng Hảo không thấy tham gia vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị hại đề nghị

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Văn Hào và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự do đã nhận lại 3.600.000 (*ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả từ bà Bùi Thị O mẹ bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị O xác nhận đã thay bị cáo đứng ra bồi thường khắc phục hậu quả toàn bộ thiệt hại mà bị cáo Bùi Văn Hào (con bà) đã gây ra. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự với bị hại - chị Nguyễn Thị Lan và với bị cáo Bùi Văn Hào.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Thanh xác nhận là người đã nhờ bạn chuyển số tiền 100.000 (*một trăm nghìn*) đồng vào tài khoản của Bùi Văn Hào theo yêu cầu của chồng chị Bùi Văn S, do S bảo trả tiền xăng cho Hào.

Phản tranh luận: Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị cáo đã thực hiện: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng Th được; cũng như các tài liệu, chứng cứ cơ quan công an đã điều tra xác minh trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở xác định: Bùi Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên ngày 11/12/2023 tại cây xăng Tr thuộc xã Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng việc nhân viên bán xăng không kịp xem cụ thể số tiền nhận được, mặc dù trong tài khoản không có số tiền bằng số tiền cần chiếm đoạt nhưng vẫn cố ý nhờ nhân viên bán xăng đổi tiền mặt bằng hình thức chuyển tiền qua ứng dụng ngân hàng trên điện thoại, để chuyển khoản số tiền 3.600 đồng nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 3.600.000 (*ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng của chị Bùi Thị L. Do vậy, Bùi Văn Hào đã chuyển khoản cho bị hại số tiền 3.600 (*ba nghìn sáu trăm*) đồng để lợi dụng sự bất cẩn, không để ý chi tiết của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Số tiền thực tế mà bị cáo H chiếm đoạt của bị hại là 3.596.400 (*Ba triệu năm trăm chín mươi sáu*

ngàn bốn trăm) đồng. Hành vi của Bùi Văn H là dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo tuy là tội phạm ít nghiêm trọng vì số tiền 3.596.400 (Ba triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng chưa phải là số tiền lớn, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là quan hệ xã hội được pháp luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo Bùi Văn H là người có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức đầy đủ hành vi, tự ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cần áp dụng hình phạt phù hợp, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu Thộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, màu vàng - hồng. Số IMEI 356715086163337, số IMEI 35671508616333, tình trạng đã qua sử dụng, được chuyển theo vụ án. Xét thấy đây tài sản Thộc sở hữu riêng của bị cáo, là công cụ, phương tiện được bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch Th, phát mại, sung công quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 28E1-16985 (kèm theo giấy tờ xe) đã Th giữ. Quá trình điều tra Th thập tài liệu chứng minh chiếc xe trên là của chị Bùi Thị O là mẹ của bị cáo H, sinh năm 1980, trú tại xóm O, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Chị O không biết và không liên quan đến hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bùi Văn H. Chị O có đơn xin lại tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng số 273 ngày 29/01/2024 trả lại một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 28E1-16985 (kèm theo giấy tờ xe) cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị O là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị Bùi

Thị O cũng xác nhận đã nhận lại tài sản trên nguyên vẹn, không có ý kiến gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 07/02/2024, tại cơ quan điều tra Bùi Văn S đã tự nguyện nộp lại số tiền 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng S xác nhận được Hảo chia cho mà không biết là tiền Hảo phạm tội mà có và chị Bùi Thị O mẹ bị cáo đã nhận lại số tiền này để khắc phục hậu quả cho bị hại. Bùi Văn S không có ý kiến hay yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Ngày 23/12/2023, chị Bùi Thị O là mẹ đẻ của bị cáo H đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại là chị Bùi Thị L số tiền 3.600.000 (*ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng, chị Lan đã nhận số tiền trên (thừa 3.600đồng) và không có ý kiến gì thêm. Chị O không yêu cầu bị cáo phải trả lại chị số tiền trên, không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa chị O, bị cáo và chị Lan. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Tại phiên toà, bị hại vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Bùi Thị L cũng xác nhận đã nhận lại toàn bộ số tiền đã bị Hảo chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về hành vi của cá nhân khác trong vụ án:

Quá trình điều tra, Bùi Văn H khai là Bùi Văn S đã hướng dẫn, bàn bạc với H để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, quá trình đấu tranh, lấy lời khai, đối chất, Bùi Văn S không thừa nhận mà chỉ khai nhận đi nhờ xe của H và bảo vợ chuyển khoản số tiền 100.000 (*một trăm nghìn*) đồng để cho Hảo đổ xăng xe và khi cầm 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng H nói là tiền do được trả nhầm, không biết tài khoản của H có bao nhiêu tiền, không tham gia vào việc chuyển tiền của H. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không chứng minh được hành vi của Bùi Văn S có dấu hiệu đồng phạm như lời khai của bị cáo Bùi Văn Hảo.

Quá trình điều tra xác định S đi nhờ xe mô tô của H, việc S bảo vợ chuyển tiền vào tài khoản cho H là tự nguyện góp tiền xăng xe là thỏa Thận dân sự giữa bị cáo và S. Đối với lý do nhận số tiền 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng thì S khai là H nhận được tiền trả nhầm của nhân viên cây xăng nên cho S, không biết tài khoản của H có bao nhiêu tiền, không tham gia vào việc bàn bạc hay chuyển tiền lừa đảo của H. Thao tác chuyển khoản chỉ do một mình H thực hiện trên chính chiếc điện thoại của H. Bản thân S không thừa nhận có bất kỳ hành vi nào liên quan đến hành vi phạm tội của H, chỉ có lời khai của H, không có chứng cứ chứng minh. Do đó, không có đủ căn cứ vững chắc để xác định vai trò đồng phạm của S. Số tiền 1.400.000 (*một triệu bốn trăm nghìn*) đồng S cũng đã tự nguyện trả lại cho gia đình bị cáo. Mặc dù quá trình điều tra, xét xử đã tiến hành đối chất, đấu tranh nhằm tránh bỏ lọt tội phạm nhưng không chứng minh được vấn đề có đồng phạm.

Do vậy, cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Bùi Văn S. Tại phiên tòa Bùi Văn Hảo thay đổi lời khai, xác nhận S không liên quan đến hành vi lừa đảo của Hảo, hoàn toàn là do Hảo tự thực hiện một mình. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự của Bùi Văn S trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong bản án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn Điều 135, Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày giam giữ 22/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch Th, phát mại, sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng - hồng. Số IMEI 356715086163337, số IMEI 35671508616333, tình trạng đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình theo biên bản giao nhận vật chứng số 92/BB/24 ngày 27/5/2024).

3. Về án phí: bị cáo Bùi Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- CQ Điều tra thành phố HB;
- Thi hành án hình sự;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án DS TPH;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- UBND xã S-T- HB;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Đà Giang